

HỢP ĐỒNG HẠN MỨC TÍN DỤNG

Số: [...]

Hôm nay, ngày [...] tháng năm [...], tại [...], chúng tôi gồm có:

BÊN CẤP TÍN DỤNG: NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM - [...]

Địa chỉ : [...]

Mã số doanh nghiệp : [...]

Điện thoại : [...]

Fax : [...]

Đại diện : [...]

Chức vụ : [...]

Văn bản ủy quyền số : [...] ngày [...] của [...]

(Sau đây trong hợp đồng gọi tắt là “Ngân Hàng”)

BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG: Công ty [...]

Mã số doanh nghiệp: [...]

Trụ sở chính : [...]

Fax: [...]

Điện thoại : [...]

Email (nếu có) : [...]

Đại diện : [...]

Chức vụ : [...]

Văn bản ủy quyền số : [...] ngày [...] của [...]

(Sau đây trong Hợp Đồng gọi tắt là “Bên Được Cấp Tín Dụng”) Các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng Hạn mức tín dụng này (sau đây gọi tắt là “Hợp Đồng”) với các điều kiện và điều khoản sau:
ĐIỀU 1.

CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG:

1.1.

Hạn Mức Tín Dụng: Tại bất kỳ thời điểm nào trong Thời Hạn Cấp Hạn Mức, Ngân Hàng đồng ý cấp tín dụng cho Bên Được Cấp Tín Dụng với điều kiện tổng số dư gốc cấp tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá [...] VNĐ (Việt Nam Đồng) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương theo tỷ giá do Ngân Hàng niêm yết tại thời điểm Ngân Hàng thực hiện Cấp Tín Dụng (“Hạn Mức Tín Dụng”).

Trong đó:

1.1.1

Dư nợ cho vay tối đa là: [...] (...)

1.1.2

Số tiền cấp bảo lãnh tối đa là: [...] (...)

1.1.3

Hạn mức phát hành Thư tín dụng (L/C) là: [...] (...)

1.1.4

Hạn mức chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá là: [...] (...)

1.1.5

Hạn mức thấu chi tối đa là [...] (...)

1.2.

Thời Hạn Cấp Hạn Mức:[...]kể từ ngày [...]. Trong thời hạn này, Bên Được Cấp Tín Dụng được đề nghị Ngân Hàng cho vay, bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu giấy tờ có giá và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác (“Cấp Tín Dụng”) phù hợp với các điều khoản quy định tại Hợp Đồng này và các quy định pháp luật có liên quan.

1.3

Mục đích Cấp Tín Dụng:[...]

1.4

Giảm, phục hồi, hủy bỏ Hạn Mức Tín Dụng:

1.4.1

Vào ngày Ngân Hàng cấp tín dụng, Hạn Mức Tín Dụng sẽ được giảm đi tương ứng một số tiền bằng tổng số dư nợ gốc của các khoản tín dụng đã được cấp. Khi Bên Được Cấp Tín Dụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản tín dụng đã được cấp, Hạn Mức Tín Dụng sẽ được phục hồi tương ứng với số tiền Bên Được Cấp Tín Dụng đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

1.4.2

Bất kỳ phần nào của Hạn Mức Tín Dụng chưa được rút vào ngày hết hạn của Thời Hạn Cấp Hạn Mức sẽ bị huỷ bỏ, trừ khi được Ngân Hàng gia hạn bằng văn bản.

Trường hợp không sử dụng hết Hạn Mức Tín Dụng trong Thời Hạn Cấp Hạn Mức, Bên Được Cấp Tín Dụng phải trả cho Ngân Hàng một khoản phí (“Phí Cam Kết”)

Phí Cam Kết = % (x) Số dư Hạn Mức Tín Dụng không được sử dụng hết và bị hủy bỏ.

1.5

Điều kiện Cấp Tín Dụng

Ngân Hàng chỉ thực hiện Cấp Tín Dụng và duy trì Hạn Mức Tín Dụng khi Bên Được Cấp Tín Dụng đáp ứng được đầy đủ các điều kiện dưới đây:

1.5.1

Các Bên đã hoàn tất việc ký kết (các) Hợp đồng bảo đảm và hoàn tất việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật và quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ;

1.5.2

Ngân Hàng đã nhận được bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của tất cả các tài liệu liên quan, chứng minh mục đích cấp tín dụng phù hợp với quy định tại Hợp Đồng;

1.5.3

Không có bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể đang diễn ra hoặc đe dọa xảy ra;

1.5.4

Tỷ lệ giữa tổng số dư Cấp Tín Dụng trên tổng giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm dự định Cấp Tín Dụng đáp ứng theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ;

1.5.5

Tài khoản:

Chậm nhất vào ngày ký Hợp Đồng, Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ mở và duy trì (các) tài khoản tại Ngân Hàng (“Tài Khoản”) và (a) chuyển toàn bộ doanh thu từ phương án kinh doanh được Ngân Hàng cấp tín dụng theo Hợp Đồng này vào Tài Khoản; và (b) các hợp đồng thương mại ký với khách hàng liên quan đến phương án kinh doanh được Ngân Hàng cấp tín dụng theo Hợp Đồng

này phải quy định rằng mọi khoản thanh toán được khách hàng trả trực tiếp vào Tài Khoản. Trường hợp nếu vì lý do bất khả kháng, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ gửi ngay khoản tiền này vào Tài Khoản chậm nhất trong thời hạn 01 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày thu tiền; (c) không được thay đổi Tài Khoản này trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng thương mại ký với khách hàng.

a)

Trước 16h00 của ngày đến hạn thanh toán gốc hoặc ngày thanh toán lãi, Bên Được Cấp Tín Dụng phải duy trì số dư trong Tài Khoản ít nhất bằng số tiền gốc và/hoặc lãi, phí phải thanh toán vào ngày thanh toán gốc hoặc ngày thanh toán lãi đó (Ngày Làm Việc có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ các ngày nghỉ, ngày lễ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và/hoặc bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các tổ chức tín dụng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

1.1.6

Bảo hiểm: Bên Được Cấp Tín Dụng đã hoàn thành việc mua bảo hiểm đối với[...] tại Công ty bảo hiểm do Ngân Hàng chỉ định hoặc chấp thuận. Bên Được Cấp Tín Dụng đã bàn giao cho Ngân Hàng (các) Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm có ghi Bên thụ hưởng tiền bảo hiểm là Ngân Hàng.

1.5.7

[...]

1.5.8

Các điều kiện khác theo quy định Ngân Hàng và/hoặc quy định pháp luật tại thời điểm cấp tín dụng.

ĐIỀU 2.

CẤP TÍN DỤNG THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG

2.1.

Cho Vay

2.1.1

Đối với mỗi lần cho vay, Bên Được Cấp Tín Dụng và Ngân Hàng sẽ ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ ("Hợp Đồng Cho Vay") để thỏa thuận về: (a) Số tiền và mục đích cho vay; (b) Thời hạn cho vay; (c) Lãi suất cho vay; (d) Phương thức trả nợ; và (e) Các vấn đề khác liên quan.

2.1.2

Thủ tục giải ngân: Trước ngày dự định giải ngân[...]Ngày Làm Việc ("Ngày Làm Việc") có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ các ngày nghỉ, ngày lễ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và/hoặc bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các tổ chức tín dụng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), Bên Được Cấp Tín Dụng phải gửi đủ hồ sơ đề nghị giải ngân theo quy định nội bộ của Ngân Hàng trong từng thời kỳ.

2.1.3

Lãi Suất Cho Vay:

a)

Lãi Suất Trong Hạn:

(i)

Lãi Suất Trong Hạn được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Cho Vay.

(ii)

(ii) Điều chỉnh Lãi Suất Thấu Chi:

Lãi Suất Thấu Chi được điều chỉnh[...]một lần kể từ ngày giải ngân Khoản Vay đầu tiên (“Kỳ Điều Chỉnh Lãi Suất”). Ngày điều chỉnh lãi suất được xác định là ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời hạn của mỗi Kỳ Điều Chỉnh Lãi Suất (“Ngày Điều Chỉnh Lãi Suất”).

(iii)

Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng vi phạm nghĩa vụ mua bảo hiểm theo quy định tại Hợp Đồng, Lãi Suất Thấu Chi sẽ được điều chỉnh tăng thêm[...]%/năm kể từ ngày Ngân Hàng thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng đến thời điểm Bên Được Cấp Tín Dụng đã thực hiện đúng nghĩa vụ mua bảo hiểm theo quy định tại Hợp Đồng này.

(iv)

(iv) Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng vi phạm cam kết chuyển nguồn thu quy định tại Hợp Đồng này thì Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng: Lãi Suất Thấu Chi sẽ được điều chỉnh tăng thêm[...]%/năm kể từ ngày Ngân Hàng thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng đến thời điểm Bên Được Cấp Tín Dụng đã thực hiện đúng cam kết chuyển nguồn thu theo quy định tại Hợp Đồng này, đồng thời Ngân Hàng sẽ được toàn quyền thu hồi nợ trước hạn và thực hiện các biện pháp theo quy định tại Hợp Đồng này và (các) Hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ vay.

b)

Lãi Suất Quá Hạn: Áp dụng để tính lãi đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên Được Cấp Tín Dụng trả nợ đúng hạn. Lãi Suất Quá Hạn bằng 150 % Lãi Suất Trong Hạn.

c)

Lãi Chậm Trả: Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền lãi theo Hợp Đồng Hạn Mức Thấu Chi, Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý trả lãi tính trên số lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

2.1.4

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng, mặc dù có những quy định về Lãi suất nêu trên, trong trường hợp: (i) Mức Lãi Suất Cho Vay thấp hơn Lãi suất cho vay tối thiểu do Ngân Hàng ban hành tại từng thời kỳ; hoặc (ii) Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể; hoặc (iii) Khi có sự thay đổi của pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc điều chỉnh lãi suất; Khi đó Ngân Hàng được quyền tự động điều chỉnh Lãi Suất Cho Vay cho phù hợp và thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng biết sau khi thực hiện điều chỉnh Lãi Suất Cho Vay. Công thức tính lãi :

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý thanh toán cho Ngân Hàng số tiền lãi được xác định theo công thức như sau:

$\Sigma (\text{Số dư thực tế} \times \text{số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi Suất Cho Vay})$

Số tiền lãi =

365

Trong đó:

- Số dư thực tế là số dư nợ được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận và quy định của pháp luật về cấp tín dụng;
- Số ngày duy trì số dư thực tế là số ngày mà số dư thực tế được duy trì để tính lãi;
- Lãi Suất Cho Vay là các loại lãi suất được quy định tại Hợp Đồng Cho Vay.

2.1.5

Phí:

a)

Phí trả nợ trước hạn: Phí trả nợ trước hạn được áp dụng tính cho Bên Được Cấp Tín Dụng trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng trả nợ trước khi đến hạn thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng hoặc trong trường hợp Được Cấp Tín Dụng bị Ngân Hàng thực hiện thu nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng. Phí trả nợ trước hạn được tính như sau: [...]

b)

Phí khác: Theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2.

Cho vay theo hạn mức thấu chi

2.2.1

Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng đề nghị và được Ngân Hàng chấp thuận cho vay theo hạn mức thấu chi, Bên Được Cấp Tín Dụng được phép chi vượt quá số dư Có trên tài khoản thanh toán mở tại Ngân Hàng (“Tài Khoản Thấu Chi”).

2.2.2

Thủ tục cấp hạn mức thấu chi: Trước khi được sử dụng hạn mức thấu chi, Bên Được Cấp Tín Dụng và Ngân Hàng sẽ ký hợp đồng cấp hạn mức thấu chi cụ thể (“Hợp Đồng Hạn Mức Thấu Chi”) để thỏa thuận về: (a) Hạn mức thấu chi; (b) Thời hạn của hạn mức thấu chi; (c) Lãi suất và các loại phí; (d) Phương thức trả lãi thấu chi; (e) Các vấn đề khác có liên quan.

2.2.3

Mục đích thấu chi: bù đắp vốn lưu động thiếu hụt tạm thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Được Cấp Tín Dụng và được Ngân Hàng chấp thuận. Bên Được Cấp Tín Dụng không được sử dụng số tiền thấu chi để: (a) Trả lãi, gốc vay tại Ngân Hàng, tại các tổ chức tín dụng khác; và (b) Các mục đích không phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2.4

Phương thức thấu chi:

a)

Bên Được Cấp Tín Dụng chỉ được sử dụng số tiền thấu chi bằng phương thức chuyển khoản và không được rút tiền mặt. Chứng từ chuyển khoản là văn bản xác nhận nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng với Ngân Hàng. Bên Được Cấp Tín Dụng chấp thuận vô điều kiện các chứng từ, số liệu từ hệ thống của Ngân Hàng in ra liên quan đến nợ gốc, nợ lãi mà Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán cho Ngân Hàng.

b)

Định kỳ hoặc bất kỳ thời điểm nào, theo yêu cầu của Ngân Hàng, Bên Được Cấp Tín Dụng có trách nhiệm cung cấp các hóa đơn/chứng từ hợp lý, hợp lệ để chứng minh cho việc sử dụng số tiền thấu chi là phù hợp với mục đích thấu chi quy định tại Hợp Đồng này.

2.2.5

Lãi Suất Thấu Chi:

a)

Lãi Suất Trong Hạn:

(i)

Lãi Suất Trong Hạn được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Hạn Mức Thấu Chi.

ii)

(Điều chỉnh Lãi Suất Thấu Chi:

Lãi Suất Thấu Chi được điều chỉnh một lần kể từ ngày giải ngân Khoản Vay đầu tiên ("Kỳ Điều Chỉnh Lãi Suất"). Ngày điều chỉnh lãi suất được xác định là ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời hạn của mỗi Kỳ Điều Chỉnh Lãi Suất ("Ngày Điều Chỉnh Lãi Suất").

(iii)

Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng vi phạm nghĩa vụ mua bảo hiểm theo quy định tại Hợp Đồng, Lãi Suất Thấu Chi sẽ được điều chỉnh tăng thêm%/năm kể từ ngày Ngân Hàng thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng đến thời điểm Bên Được Cấp Tín Dụng đã thực hiện đúng nghĩa vụ mua bảo hiểm theo quy định tại Hợp Đồng này.

(iv)

Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng vi phạm cam kết chuyển nguồn thu quy định tại Hợp Đồng này thì Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng: Lãi Suất Thấu Chi sẽ được điều chỉnh tăng thêm%/năm kể từ ngày Ngân Hàng thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng đến thời điểm Bên Được Cấp Tín Dụng đã thực hiện đúng cam kết chuyển nguồn thu theo quy định tại Hợp Đồng này, đồng thời Ngân Hàng sẽ được toàn quyền thu hồi nợ trước hạn và thực hiện các biện pháp theo quy định tại Hợp Đồng này và (các) Hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ vay.

b)

Lãi Suất Quá Hạn: Áp dụng để tính lãi đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên Được Cấp Tín Dụng trả nợ đúng hạn. Lãi Suất Quá Hạn bằng 150 % Lãi Suất Trong Hạn.

c)

Lãi Chậm Trả: Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền lãi theo Hợp Đồng Hạn Mức Thấu Chi, Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý trả lãi tính trên số lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2.6

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng, mặc dù có những quy định về Lãi suất nêu trên, trong trường hợp: (i) Mức Lãi Suất Thấu Chi thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Ngân Hàng ban hành tại từng thời kỳ; hoặc (ii) Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể; hoặc (iii) Khi có sự thay đổi của pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc điều chỉnh lãi suất; Khi đó Ngân Hàng được quyền tự động điều chỉnh Lãi Suất Thấu Chi cho phù hợp và thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng biết sau khi thực hiện điều chỉnh Lãi Suất Thấu Chi. Công thức tính lãi:

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý thanh toán cho Ngân Hàng số tiền lãi thấu chi được xác định theo công thức như sau:

$\sum (\text{Số tiền thấu chi thực tế} \times \text{số ngày duy trì số tiền thấu chi thực tế} \times \text{Lãi Suất Thấu Chi})$

Số tiền lãi =

365

Trong đó:

- Số tiền thấu chi thực tế là số dư nợ được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận và quy định của pháp luật về cấp tín dụng;
- Số ngày duy trì số tiền thấu chi thực tế là số ngày mà số tiền thấu chi thực tế được duy trì để tính lãi;
- Lãi Suất Thấu Chi là các loại lãi suất được quy định tại Hợp Đồng Hạn Mức Thấu Chi

2.2.7

Phương thức thu số tiền thấu chi:

Ngân Hàng tự động trích Tài Khoản Thấu Chi của Bên Được Cấp Tín Dụng để thu nợ gốc (là số tiền thấu chi mà Bên Được Cấp Tín Dụng đã sử dụng) ngay khi có bất cứ khoản tiền nào được ghi Có vào Tài Khoản Thấu Chi. Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán hết toàn bộ nợ gốc cho Ngân Hàng chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn của hạn mức thấu chi quy định tại Hợp Đồng Hạn Mức Thấu Chi.

2.3.

Cấp Bảo Lãnh

2.3.1

Đối với mỗi lần cấp bảo lãnh, Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ ký một hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể (“Hợp Đồng Cấp Bảo Lãnh”) để thỏa thuận về: (a) Số tiền và mục đích bảo lãnh; (b) Nghĩa vụ được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh; (c) Phí bảo lãnh và phương thức trả phí; và (d) Các vấn đề khác có liên quan.

2.3.2

Trong trường hợp ngày bắt đầu và/hoặc ngày kết thúc của thời hạn bảo lãnh không xác định được cụ thể dưới dạng ngày/tháng/năm, Bên Được Cấp Tín Dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và cung cấp tài liệu chứng minh về sự kiện bắt đầu hoặc kết thúc thời hạn bảo lãnh trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện.

2.3.3

Thủ tục cấp bảo lãnh: Trước ngày dự định phát hành Cam Kết Bảo Lãnh Ngày Làm Việc, Bên Được Cấp Tín Dụng phải gửi đủ hồ sơ đề nghị phát hành cam kết bảo lãnh theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ.

2.3.4

Thủ tục thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

a)

Khi nhận được văn bản đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bên nhận bảo lãnh gửi Ngân Hàng, Ngân Hàng sẽ: (i) Thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng biết; (ii) Phong tỏa một, một số hoặc toàn bộ các tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: tài khoản ký quỹ bảo lãnh, tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán,...) với giá trị phong tỏa tối đa bằng giá trị nghĩa vụ bảo lãnh mà bên nhận bảo lãnh đề nghị Ngân Hàng thực hiện. Bên Được Cấp Tín Dụng phải chuyển toàn bộ số tiền phải trả cho bên nhận bảo lãnh vào tài khoản do Ngân Hàng chỉ định trước ít nhất Ngày Làm Việc tính đến ngày Ngân Hàng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh, đồng thời gửi kèm theo văn bản giải trình về việc thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh.

b)

Trong trường hợp Ngân Hàng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh, Ngân Hàng sẽ: (i) Tự động trích nợ tài khoản ký quỹ bảo lãnh (nếu có); và (ii) Tự động trích nợ tài khoản tiền gửi và tài khoản thanh toán VND và các ngoại tệ khác (nếu có) của Bên Được Cấp Tín Dụng. Trong trường hợp trích nợ từ tài khoản ngoại tệ, tỷ giá quy đổi sẽ do Ngân Hàng quyết định. Trong trường hợp Ngân Hàng đã áp dụng các biện pháp nêu trên mà vẫn chưa đủ thanh toán tiền bảo lãnh, Ngân Hàng sẽ lập thông báo gửi cho Bên Được Cấp Tín Dụng về việc cho vay và ghi nợ bắt buộc tại thời điểm Ngân Hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với các nội dung sau: (i) Số tiền cho vay bắt buộc tương ứng với số tiền Ngân Hàng thanh toán cho bên nhận bảo lãnh thay Bên Được Cấp Tín Dụng; (ii) Lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn do Ngân Hàng quyết định; (iii)

Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ và các nội dung khác liên quan đến khoản vay do Ngân Hàng quyết định (“Thông Báo Cho Vay Thanh Toán Bảo Lãnh Bắt Buộc”). Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ số tiền Ngân Hàng đã trả thay và số tiền lãi theo quy định tại Thông Báo Cho Vay Thanh Toán Bảo Lãnh Bắt Buộc.

2.4

Phát Hành Thư Tín Dụng (L/C)

2.4.1.

Đối với mỗi lần phát hành thư tín dụng (L/C), Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ ký Giấy đề nghị phát hành thư tín dụng để thỏa thuận về: (a) Số tiền và mục đích phát hành thư tín dụng; (b) Thời hạn phát hành thư tín dụng; (c) Phí phát hành và phương thức trả phí; và (d) Các vấn đề khác có liên quan.

2.4.2.

Thủ tục phát hành L/C: Trước ngày dự định phát hành L/C [...] Ngày Làm Việc, Bên Được Cấp Tín Dụng phải gửi đủ hồ sơ đề nghị phát hành L/C theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ.

2.4.3.

Khi nhận được văn bản đề nghị thực hiện thanh toán L/C từ bên thụ hưởng (hoặc Ngân hàng của bên thụ hưởng), Ngân Hàng sẽ kiểm tra tính hợp lệ của Bộ chứng từ thanh toán và thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng biết. Trong trường hợp được thông báo bộ chứng từ hợp lệ, Bên Được Cấp Tín Dụng phải chuyển toàn bộ số tiền phải trả cho bên thụ hưởng vào tài khoản do Ngân Hàng chỉ định trước ít nhất [...] Ngày Làm Việc tính đến ngày Ngân Hàng phải thực hiện thanh toán.

2.4.4.

Trong trường hợp Bộ chứng từ không hợp lệ, Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng và bên thụ hưởng được biết. Bên thụ hưởng và Bên Được Cấp Tín Dụng có trách nhiệm hoàn thiện lại Bộ chứng từ cho hợp lệ. Nếu Bên Được Cấp Tín Dụng chấp nhận thanh toán đối với Bộ chứng từ không hợp lệ thì phải gửi văn bản chấp thuận cho Ngân hàng trước ít nhất [...] Ngày Làm Việc tính đến ngày Ngân Hàng phải thực hiện thanh toán.

2.4.4.

2.4.5. Trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng vi phạm quy định về việc chuyển tiền thanh toán nêu trên, Ngân Hàng sẽ: (i) Tự động trích nợ tài khoản ký quỹ L/C (nếu có); và (ii) Tự động trích nợ tài khoản thanh toán và tài khoản tiền gửi VND và các ngoại tệ khác (nếu có) của Bên Được Cấp Tín Dụng. Trong trường hợp trích nợ từ tài khoản ngoại tệ, tỷ giá quy đổi sẽ do Ngân Hàng quyết định. Trong trường hợp Ngân Hàng đã áp dụng các biện pháp nêu trên mà vẫn chưa đủ thanh toán L/C, Ngân Hàng sẽ lập thông báo gửi cho Bên Được Cấp Tín Dụng về việc cho vay và ghi nợ bắt buộc tại thời điểm Ngân Hàng thực hiện thanh toán L/C với các nội dung sau: (i) Số tiền cho vay bắt buộc tương ứng với số tiền Ngân Hàng đã thanh toán cho bên thụ hưởng thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng; (ii) Lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn do Ngân Hàng quyết định; (iii) Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ và các nội dung khác liên quan đến khoản vay do Ngân Hàng quyết định (“Thông Báo Cho Vay Thanh Toán L/C Bắt Buộc”). Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ số tiền Ngân Hàng đã trả thay và số tiền lãi theo quy định tại Thông Báo Cho Vay Thanh Toán L/C Bắt Buộc.

2.5

Chiết Khấu Công Cụ Chuyển Nhượng, Giấy Tờ Có Giá

2.5.1.

Đối với mỗi lần chiết khấu, Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ ký một hợp đồng chiết khấu cụ thể ("Hợp Đồng Chiết Khấu") để thỏa thuận về: (a) Đối tượng chiết khấu; (b) Số tiền và mục đích chiết khấu; (c) Thời hạn chiết khấu; (d) Lãi Suất Chiết Khấu và các loại phí; và (e) Các vấn đề khác có liên quan.

2.5.2.

Thủ tục chiết khấu: Trước ngày dự định giải ngân Ngày Làm Việc, Bên Được Cấp Tín Dụng phải gửi đủ hồ sơ đề nghị chiết khấu theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ.

2.5.3.

Lãi Suất Chiết Khấu được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Chiết Khấu.

2.5.4.

Công thức tính lãi:

2.5.5.

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý thanh toán cho Ngân Hàng số tiền lãi chiết khấu được xác định theo công thức như sau:

Σ (Số tiền chiết khấu thực tế x số ngày duy trì số tiền chiết khấu thực tế x Lãi Suất Chiết Khấu)

Số tiền lãi =

365

Trong đó:

- Số tiền chiết khấu thực tế là số dư nợ được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận và quy định của pháp luật về cấp tín dụng;
- Số ngày duy trì số tiền chiết khấu thực tế là số ngày mà số tiền chiết khấu thực tế được duy trì để tính lãi;
- Lãi Suất Chiết Khấu là các loại lãi suất được quy định tại Hợp Đồng Chiết Khấu.

2.5.6.

Ngân Hàng sẽ áp dụng mức Lãi Suất Chiết Khấu quá hạn bằng 150% Lãi Suất Chiết Khấu trong hạn với các trường hợp sau đây: (a) Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền chiết khấu hoặc lãi chiết khấu hoặc các khoản phí (nếu có) vào ngày đến hạn; (b) Đối tượng chiết khấu bị từ chối thanh toán, bị trả lại và Bên Được Cấp Tín Dụng chưa thực hiện việc hoàn trả Số tiền chiết khấu và các nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của Ngân Hàng. Khi Bên Được Cấp Tín Dụng không trả được bất kỳ khoản nợ gốc hoặc lãi nào đến hạn, Ngân Hàng sẽ thực hiện chuyển khoản nợ theo Hợp Đồng Chiết Khấu thành khoản nợ quá hạn theo hướng dẫn của Ngân Hàng Nhà Nước tùy từng thời kỳ. Khi chuyển nợ quá hạn, Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng về số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị quá hạn.

2.5.7.

Bên Được Cấp Tín Dụng phải thực hiện mua lại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng đã được chiết khấu khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: (a) Khi đến hạn của thời hạn chiết khấu; (b) Ngân Hàng yêu cầu mua lại bắt buộc trước ngày đến hạn của thời hạn chiết khấu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể. Trong trường hợp này, Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng biết về yêu cầu mua lại bắt buộc trước ngày đến hạn của thời hạn chiết khấu;

2.5.8.

Bên Được Cấp Tín Dụng có thể thanh toán trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền chiết khấu trước ngày đến hạn theo Hợp Đồng Chiết Khấu với điều kiện phải gửi văn bản đề nghị thanh toán trước hạn tiền chiết khấu cho Ngân Hàng trước ngày dự định thanh toán trước hạn ít nhất Ngày Làm Việc và được Ngân Hàng chấp thuận. Khi thanh toán trước hạn tiền chiết khấu, Bên Được Cấp Tín Dụng phải trả phí thanh toán trước hạn và các phí khác theo quy định của Ngân Hàng.

2.5.9.

Bên Được Cấp Tín Dụng phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiết khấu mà Ngân Hàng đã giải ngân khi kết thúc thời hạn chiết khấu. Thời điểm trả lãi chiết khấu và các khoản phí theo thỏa thuận của các bên trong Hợp Đồng Chiết Khấu.

2.6.

Cấp Tín Dụng Khác:

2.6.1.

Trên cơ sở đề nghị của Bên Được Cấp Tín Dụng đối với Ngân Hàng về việc thực hiện cấp tín dụng khác với các phương thức được quy định ở trên, Ngân Hàng sẽ xem xét chấp thuận trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của Ngân Hàng trong từng thời kỳ.

2.6.2.

Tại thời điểm cấp tín dụng, Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ ký các hợp đồng cụ thể để thực hiện.

ĐIỀU 3.

BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

3.1.

Tài sản, biện pháp bảo đảm gồm:

3.1.1.

[...]

3.1.2.

Các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Bên Được Cấp Tín Dụng.

("Sau đây gọi chung là "Tài Sản Bảo Đảm").

3.2.

Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Vi Phạm, Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể và/hoặc khi tổng giá trị tài sản bảo đảm không đủ để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán, Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của Ngân Hàng.

ĐIỀU 4.

NGHĨA VỤ THANH TOÁN, ĐỒNG TIỀN THANH TOÁN, THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN

4.1.

Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền phải trả theo quy định tại Hợp Đồng này đúng hạn và đầy đủ trước 16g00 (giờ Việt Nam) của ngày đến hạn bằng phương thức nộp tiền mặt tại điểm giao dịch của Ngân Hàng hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng mở tại Ngân Hàng để Ngân Hàng thu nợ. Nếu ngày đến hạn không phải là một Ngày Làm Việc thì ngày trả nợ sẽ là Ngày Làm Việc liền kề ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho tới ngày thực trả. Việc thanh toán của Bên Được Cấp Tín Dụng chỉ được coi là thành công khi Ngân Hàng đã hạch toán thu nợ và khoản thanh toán của Bên Được Cấp Tín Dụng đã được ghi nhận vào hệ thống của Ngân Hàng.

4.2.

Bên Được Cấp Tín Dụng được cấp tín dụng bằng đồng tiền nào thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thanh toán bằng đồng tiền đó. Trong trường hợp trả nợ, thanh toán bằng đồng tiền khác phải được Ngân Hàng chấp thuận và tỷ giá quy đổi do Ngân Hàng quyết định.

4.3.

Khi nhận được bất kỳ khoản tiền thanh toán nào từ Bên Được Cấp Tín Dụng, thứ tự thu nợ như sau: Các khoản chi phí, phí tổn, Phí của Ngân Hàng (nếu có); tiền phạt; tiền bồi thường thiệt hại; Lãi Chậm Trả, tiền lãi quá hạn; tiền lãi đến hạn; nợ gốc; và các khoản liên quan khác. Trên cơ sở không trái các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Ngân Hàng có toàn quyền thay đổi thứ tự ưu tiên thanh toán nêu trên. Trường hợp pháp luật có quy định về thứ tự thu nợ thì tuân thủ theo quy định pháp luật.

4.4.

Trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng bao gồm nhiều pháp nhân thì tất cả các pháp nhân đều có trách nhiệm liên đới. Ngân Hàng có quyền chỉ định từng pháp nhân hoặc tất cả các pháp nhân tham gia ký kết Hợp Đồng thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng. Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý: một hoặc một số pháp nhân trong Bên Được Cấp Tín Dụng ký kết Ủy nhiệm chi, Giấy lĩnh tiền, Khế ước nhận nợ hoặc bất kỳ văn bản nào liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng hoặc thực hiện Hợp Đồng với Ngân Hàng đều có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của tất cả các Bên Được Cấp Tín Dụng theo thỏa thuận tại Hợp Đồng. Bằng Hợp Đồng, các pháp nhân tham gia ký kết Hợp Đồng đồng ý ủy quyền cho bất kỳ pháp nhân nào thuộc Bên Được Cấp Tín Dụng sử dụng tài khoản thanh toán của mình để thanh toán Khoản Vay và các khoản phí, chi phí phát sinh liên quan đến Khoản Vay cho Ngân Hàng.

4.5.

Phạt chậm trả phí và các khoản thanh toán khác:

Phương án 1: Áp dụng trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản phí hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác (ngoại trừ nợ gốc và lãi quá hạn) (sau đây gọi là “Tiền Chậm Trả”). Tiền Chậm Trả = số tiền chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả thực tế nhân (x) Mức phạt chậm trả (%) chia (:) 30 (trường hợp theo tháng) hoặc 365 (trường hợp theo năm). Trong đó Mức phạt chậm trả được tính bằng Lãi Suất Trong Hạn.

Hoặc

Phương án 2: Áp dụng trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản phí hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác (sau đây gọi là “Tiền Chậm Trả”). Tiền Chậm Trả = số tiền chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả thực tế nhân (x) Mức phạt chậm trả (%) chia (:) 30 (trường hợp theo tháng) hoặc 365 (trường hợp theo năm). Trong đó Mức phạt chậm trả được tính bằng .

[...]

4.6.

Phạt vi phạm: Áp dụng trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng có bất kỳ vi phạm nghĩa vụ, cam kết, cam đoan hoặc bảo đảm nào đã được quy định tại Hợp Đồng này. Mức phạt theo thông báo của Ngân Hàng nhưng tối đa không quá 8% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trường hợp giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm không xác định được bằng tiền thì hai bên thỏa thuận mức phạt là 8 % (tám phần trăm) giá trị thanh toán gốc tại kỳ gần nhất thời điểm phạt vi phạm

ĐIỀU 5.

TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN, CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

5.1.

Trả nợ trước hạn : Trong trường hợp có nhu cầu trả nợ trước hạn, Bên Được Cấp Tín Dụng gửi đề nghị trả nợ trước hạn cho Ngân Hàng và phải được Ngân Hàng chấp thuận. Bên Được Cấp Tín Dụng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục trả nợ trước hạn theo quy định của Ngân Hàng. Trường hợp Ngân Hàng yêu cầu Bên Được Cấp Tín Dụng trả nợ trước hạn, Ngân Hàng sẽ gửi thông báo yêu cầu thu nợ trước hạn cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

Bên Được Cấp Tín Dụng thanh toán Phí trả nợ trước hạn và các phí khác theo quy định của Ngân Hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

5.2.

Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không có khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi vay theo quy định của Hợp Đồng, Bên Được Cấp Tín Dụng có thể đề nghị Ngân Hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Văn bản đề nghị phải được gửi tới Ngân Hàng trước ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc tính đến ngày đến hạn thanh toán kèm theo các tài liệu chứng minh và phương án trả nợ. Ngân Hàng sẽ xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo đề nghị của Bên Được Cấp Tín Dụng. Trường hợp Ngân Hàng không có văn bản chấp thuận về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi vào ngày đến hạn.

5.3.

Chuyển nợ quá hạn: Khi Bên Được Cấp Tín Dụng không trả được bất kỳ khoản nợ gốc hoặc lãi nào đến hạn, Ngân Hàng sẽ thực hiện chuyển khoản nợ theo Hợp Đồng thành khoản nợ quá hạn theo hướng dẫn của Ngân Hàng Nhà Nước trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 6.

SỰ KIỆN VI PHẠM, THAY ĐỔI BẤT LỢI ĐÁNG KỂ

6.1.

Sự Kiện Vi Phạm

Bên Được Cấp Tín Dụng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm một, một số hoặc tất cả các nghĩa vụ sau đây thì được coi là một Sự Kiện Vi Phạm:

6.1.1.

Vi phạm điều kiện cấp tín dụng, bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm nào được quy định tại Hợp Đồng, (các) hợp đồng bảo đảm;

6.1.2.

Vi phạm bất kỳ cam kết nào có liên quan đến Hạn Mức Tín Dụng hoặc vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào liên quan đến việc triển khai và thực thi Hợp Đồng;

6.1.3.

Cung cấp các thông tin sai sự thật trong quá trình cấp tín dụng;

6.1.4.

Sử dụng vốn không đúng mục đích đã cam kết khi giải ngân;

6.1.5.

Bên Được Cấp Tín Dụng không còn duy trì đủ các điều kiện cấp tín dụng tại thời điểm xét duyệt cấp tín dụng;

6.1.6.

Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân Hàng Nhà Nước trong từng thời kỳ.

6.2.

Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể

6.2.1.

Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể theo Hợp Đồng là bất kỳ hành động, sự kiện, chuỗi sự kiện cho dù có liên quan hay không liên quan trực tiếp đến Bên Được Cấp Tín Dụng nhưng có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới việc thực hiện Hợp Đồng, bao gồm:

6.2.2.

Có sự thay đổi về chính sách pháp luật dẫn tới việc Cấp Tín Dụng hoặc duy trì bất kỳ khoản Cấp Tín Dụng nào là vi phạm hoặc có khả năng vi phạm pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;

6.2.3.

Tài Sản Bảo Đảm cho các nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng theo Hợp Đồng: (a) bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ; hoặc (b) phát sinh tranh chấp với bên thứ ba; hoặc (c) Tài Sản Bảo Đảm không còn; hoặc (d) tổng giá trị Tài Sản Bảo Đảm (theo định giá của Ngân Hàng) không đủ để bảo đảm nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng theo quy định của Ngân Hàng mà Bên Được Cấp Tín Dụng không bổ sung tài sản bảo đảm hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác được Ngân Hàng chấp thuận theo đúng yêu cầu của Ngân Hàng;

6.2.4.

Bên Được Cấp Tín Dụng tham gia bất kỳ thủ tục khiếu nại, khiếu kiện, thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài nào mà theo quyết định của Ngân Hàng có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và/hoặc khả năng thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh hoặc khả năng thanh toán các khoản tiền đến hạn của Bên Được Cấp Tín Dụng;

6.2.5.

Bên Được Cấp Tín Dụng thực hiện việc thay đổi cơ cấu sở hữu cổ đông lớn hoặc dùng phần lớn tài sản của mình để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần; thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản doanh nghiệp;

6.2.6.

Bên Được Cấp Tín Dụng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào;

6.2.7.

Bên bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng (nếu có) không có khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc bị rơi vào các trường hợp tương tự như của Bên Được Cấp Tín Dụng nêu trên;

6.2.8.

Doanh thu của Bên Được Cấp Tín Dụng bị sụt giảm nghiêm trọng hoặc không duy trì được mức doanh thu tối thiểu theo cam kết của Bên Được Cấp Tín Dụng;

6.2.9.

Bên Được Cấp Tín Dụng phát sinh khoản nợ nhóm 3 trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác;

6.2.10.

Bất kỳ sự kiện nào mà theo đánh giá của Ngân Hàng có ảnh hưởng tới hoặc có khả năng ảnh hưởng tới (a) sự ổn định của thị trường tiền tệ, việc cân đối, huy động vốn trên thị trường, việc

thực hiện Hợp Đồng của Ngân Hàng; hoặc (b) khả năng trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng đối với Ngân Hàng.

6.3.

Xử lý trong trường hợp có Sự Kiện Vi Phạm, Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể

Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể, ngoài các quyền và biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật, Ngân Hàng có toàn quyền quyết định áp dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp sau:

6.3.1.

Yêu cầu Bên Được Cấp Tín Dụng bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác bổ sung, thay thế;

6.3.2.

Tạm dừng hoặc đình chỉ việc Cấp Tín Dụng;

6.3.3.

Điều chỉnh tăng Lãi Suất Cho Vay, Lãi Suất Thấu Chi, Lãi Suất Chiết Khấu, Phí bảo lãnh, Phí phát hành L/C theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ;

6.3.4.

Tuyên bố tất cả các nghĩa vụ thanh toán của Bên Được Cấp Tín Dụng được coi là đến hạn và Ngân Hàng có quyền thu hồi toàn bộ các khoản tiền đã giải ngân cho Bên Được Cấp Tín Dụng;

6.3.5.

Phong tỏa và/hoặc đề nghị Bên thứ ba phong tỏa tài khoản, tài sản của Bên Được Cấp Tín Dụng;

6.3.6.

Trích toàn bộ hoặc một phần tiền ký quỹ hoặc khoản tiền cầm cố, xử lý giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng và xử lý các tài sản bảo đảm khác của Bên Được Cấp Tín Dụng để thu hồi nợ và các nghĩa vụ tài chính khác. Nếu loại tiền được trích khác với loại tiền được yêu cầu thanh toán thì áp dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ do Ngân Hàng xác định tại thời điểm trích tiền.

6.3.7.

Trích tiền trên bất kỳ tài khoản nào của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng hoặc bất kỳ tổ chức tín dụng nào Bên Được Cấp Tín Dụng có tài khoản để thu hồi nợ và các nghĩa vụ tài chính khác. Bên Được Cấp Tín Dụng bằng quy định này, ủy quyền không hủy ngang cho Ngân Hàng trích tiền từ tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác để thu hồi nợ và các nghĩa vụ tài chính khác;

6.3.8.

Xử lý Tài Sản Bảo Đảm hoặc áp dụng các chế tài theo quy định của pháp luật, quy định tại Hợp Đồng và (các) Hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ và các nghĩa vụ tài chính khác. Trong trường hợp quy định pháp luật hoặc quy định của bên thứ ba bất kỳ có yêu cầu, bằng điều khoản này, Bên Được Cấp Tín Dụng ủy quyền không hủy ngang và vô điều kiện cho Ngân Hàng được toàn quyền nhân danh và đại diện cho Bên Được Cấp Tín Dụng thực hiện tất cả các hành động, ký các văn bản cần thiết và thích hợp để xử lý Tài Sản Bảo Đảm thu hồi nợ và các nghĩa vụ tài chính khác.

6.3.9.

Các biện pháp khác Ngân Hàng quyết định không trái với pháp luật.

ĐIỀU 7.

CÁC CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM CỦA BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG

Để có cơ sở ký kết Hợp Đồng này và để Ngân Hàng thực hiện Cấp Tín Dụng, Bên Được Cấp Tín Dụng đưa ra các cam kết dưới đây vào ngày ký Hợp Đồng này và bảo đảm các cam kết này sẽ có hiệu lực và được duy trì trong suốt thời hạn Hợp Đồng này:

7.1.

Bên Được Cấp Tín Dụng đã hoàn tất các thủ tục nội bộ và các thủ tục cần thiết khác để được phép và có thẩm quyền ký kết và thực hiện các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng.

7.2.

Bên Được Cấp Tín Dụng bảo đảm rằng các cam kết bảo lãnh và khoản tiền giải ngân theo Hợp Đồng này sẽ được sử dụng đúng mục đích và cam kết không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân Hàng. Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ ngay lập tức thông báo cho Ngân Hàng về bất cứ sự kiện hoặc tình huống nào có thể ảnh hưởng hoặc làm trì hoãn việc sử dụng Khoản Vay, Cam Kết Bảo Lãnh, Thư tín dụng (L/C) hoặc Số Tiền Chiết Khấu.

7.3.

Cung cấp thông tin về tình trạng tài chính:

7.3.1.

Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ thông báo cho Ngân Hàng về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng vào bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của Ngân Hàng.

7.3.2.

Ngay khi có được các báo cáo tài chính hàng quý, nửa năm và hàng năm của mình (và trong bất kỳ trường hợp nào trong vòng 90 (chín mươi) ngày sau ngày kết thúc năm tài chính), Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ cung cấp cho Ngân Hàng bản sao hợp lệ các báo cáo tài chính hàng năm đó kèm theo bản thuyết minh báo cáo tài chính được đại diện có thẩm quyền của Bên Được Cấp Tín Dụng ký, phê chuẩn hợp lệ.

7.4.

Khi xảy ra Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể hoặc Sự Kiện Vi Phạm, Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý để Ngân Hàng kiểm tra tài sản, sổ sách kế toán, tài khoản và tình hình hoạt động kinh doanh.

7.5.

Bên Được Cấp Tín Dụng không được chấm dứt hoạt động, thanh lý hoặc giải thể hoặc tham gia bất kỳ giao dịch hợp nhất hoặc sáp nhập hoặc tổ chức lại nào nếu không được Ngân Hàng chấp thuận trước bằng văn bản.

7.6.

Trong thời gian thực hiện Hợp Đồng, Bên Được Cấp Tín Dụng đảm bảo tạo mọi điều kiện cho Ngân Hàng kiểm tra, giám sát mục đích, quá trình sử dụng Hạn Mức Tín Dụng và Tài Sản Bảo Đảm, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các yêu cầu: (a) Kiểm tra tất cả các hợp đồng Bên Được Cấp Tín Dụng ký với Bên thứ ba; và (b) Làm việc trực tiếp với cán bộ, nhân viên của Bên Được Cấp Tín Dụng để tìm hiểu thông tin; và (c) Yêu cầu Bên Được Cấp Tín Dụng cung cấp những hồ sơ, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ngân Hàng.

7.7.

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý sẽ thanh toán bất kỳ khoản phí, chi phí bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí để thực hiện việc: (a) soạn thảo, ký kết, sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng, (các) hợp đồng bảo đảm; (b) thi hành và bảo vệ quyền lợi ích của Ngân Hàng theo Hợp Đồng, (các) hợp

đồng bảo đảm; (c) các khoản lệ phí công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm và các phí, chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng, (các) hợp đồng bảo đảm .

7.8.

Bảo hiểm:

7.8.1.

Trong suốt thời gian được cấp tín dụng theo Hợp Đồng, Bên Được Cấp Tín Dụng tự nguyện đồng ý: (i) mua bảo hiểm cho khoản Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào của khoản Hạn Mức Tín Dụng tại công ty bảo hiểm do Ngân Hàng chấp thuận, và (ii) chuyển tiền mua bảo hiểm vào tài khoản của công ty bảo hiểm do Ngân hàng chỉ định. Trong thời hạn 03 (ba) Ngày Làm Việc sau khi bất kỳ hợp đồng bảo hiểm và/hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm nào được cấp, Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ cung cấp cho Ngân Hàng bản gốc của hợp đồng và/hoặc giấy chứng nhận đó với Bên thụ hưởng là Ngân Hàng.

7.8.2.

Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thanh toán đúng hạn mọi khoản phí bảo hiểm và bất kỳ khoản tiền nào khác cần thiết để bảo đảm và duy trì hiệu lực của mỗi hợp đồng bảo hiểm trong suốt Thời Hạn Cấp Hạn Mức.

7.8.3.

Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không tiếp tục mua hoặc duy trì bảo hiểm trong suốt Thời Hạn Cấp Hạn Mức, Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý Ngân Hàng được quyền: (i) thu hồi nợ trước hạn; hoặc (ii) điều chỉnh tăng Lãi Suất Cho Vay, Lãi Suất Thấu Chi, Lãi Suất Chiết Khấu, Phí bảo lãnh, Phí phát hành L/C ; hoặc (iii) mua bảo hiểm thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng

7.8.4.

Trường hợp Ngân Hàng mua bảo hiểm thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng, Ngân Hàng được lựa chọn Tổ chức bảo hiểm và quyết định tất cả các vấn đề liên quan khi mua bảo hiểm. Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền này cho Ngân Hàng trong kỳ thanh toán gần nhất và phải chịu một khoản tiền lãi phát sinh trong thời hạn chưa hoàn trả tính theo Lãi Suất Cho Vay.

7.9.

Bồi thường thiệt hại: Trong vòng 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân Hàng (kèm theo các văn bản chứng minh thiệt hại), Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết sẽ bồi thường cho Ngân Hàng hoặc Bên thứ ba bất kỳ theo chỉ định của Ngân Hàng mọi thiệt hại thực tế phát sinh xảy ra khi Bên Được Cấp Tín Dụng vi phạm Hợp Đồng, (các) hợp đồng bảo đảm.

7.10.

Bù trừ nghĩa vụ: Trong trường hợp Ngân Hàng có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào đối với Bên Được Cấp Tín Dụng mà chưa thực hiện tại thời điểm Bên Được Cấp Tín Dụng đến hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng này, Ngân Hàng có quyền bù trừ nghĩa vụ tài chính đó với nghĩa vụ thanh toán của Bên Được Cấp Tín Dụng tại thời điểm đến hạn theo quy định tại Hợp Đồng này. Nếu trường hợp nghĩa vụ tài chính của Ngân Hàng và nghĩa vụ thanh toán của Bên Được Cấp Tín Dụng thuộc các loại tiền tệ khác nhau, tỷ giá quy đổi sẽ do Ngân Hàng quyết định.

7.11.

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý để Ngân Hàng được tự động trích trừ các khoản tiền của Bên Được Cấp Tín Dụng trong tài khoản thanh toán để thanh toán cho các nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng đối với Ngân Hàng tại ngày đến hạn.

7.12.

Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết đã được Ngân Hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hạn Mức Tín Dụng trước khi hai Bên xác lập Hợp Đồng. Bên Được Cấp Tín Dụng đã đọc, hiểu rõ các thông tin được Ngân Hàng cung cấp và đồng ý với toàn bộ nội dung Hợp Đồng.

7.13.

Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết chuyển nguồn thu qua Tài Khoản mở tại Ngân Hàng tối thiểu bằng [...] % doanh thu theo báo cáo nội bộ của Bên Được Cấp Tín Dụng.

ĐIỀU 8.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

8.1

Thông báo

8.1.1.

Tất cả các thông báo và thông tin được đưa ra theo Hợp Đồng sẽ được Ngân Hàng gửi đi theo một trong các cách thức sau: (a) đường bưu điện đến địa chỉ của Bên Được Cấp Tín Dụng nêu tại phần giới thiệu Hợp Đồng; hoặc (b) giao tại địa chỉ hoạt động của Bên Được Cấp Tín Dụng; hoặc (c) fax theo số fax mà Bên Được Cấp Tín Dụng đăng ký; hoặc (d) gửi thư điện tử tới hộp thư điện tử mà Bên Được Cấp Tín Dụng đăng ký; hoặc (e) nhắn tin đến số điện thoại mà Bên Được Cấp Tín Dụng đăng ký; hoặc (f) bất kỳ hình thức thông báo nào do Ngân Hàng quyết định không trái với quy định pháp luật.

8.1.2.

Các bên đồng ý rằng việc thông báo bằng tin nhắn, thư điện tử, fax cũng được coi là một hình thức thông báo bằng văn bản. Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng mọi liên lạc giữa Ngân Hàng với Bên Được Cấp Tín Dụng có thể được thực hiện bằng phương tiện điện tử hoặc bất kỳ phương tiện liên lạc nào khác. Các thông tin liên lạc này có thể bị vi rút hoặc bị lỗi hoặc có thể bị chặn bởi các sự cố viễn thông hoặc các sự kiện bất khả kháng khác và Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm với Bên Được Cấp Tín Dụng về những việc xảy ra đó.

8.1.3.

Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thông báo cho Ngân Hàng về bất kỳ thay đổi nào đối với địa chỉ, số điện thoại, số fax của mình. Trong trường hợp không thông báo thì các thông tin được nêu vẫn giữ nguyên hiệu lực.

8.1.4.

Cung cấp thông tin: Các thông tin của Bên Được Cấp Tín Dụng được Ngân Hàng bảo mật, trừ trường hợp phải cung cấp: (a) cho Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật; (b) cho Trung tâm thông tin tín dụng của Ngân hàng nhà nước (CIC); (c) cho tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm; (d) cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân bất kỳ mà Ngân Hàng cho rằng cần thiết và thích hợp để thực hiện giải ngân, thu nợ, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân Hàng và thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Hợp Đồng, (các) Hợp đồng bảo đảm; (e) các trường hợp khác do pháp luật quy định.

8.2.

Giải quyết tranh chấp:

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng sẽ được các bên thương lượng, giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng quyền và lợi ích của các Bên. Trường hợp không giải quyết thông qua thương lượng được, các Bên đồng ý để Ngân Hàng được quyền lựa chọn một trong các phương thức thức giải quyết tranh chấp sau đây: (a) giải quyết tranh chấp tại Tòa án có

thẩm quyền; hoặc (b) giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm Trọng tài thương mại bất kỳ do Ngân Hàng lựa chọn. Trường hợp Ngân Hàng lựa chọn Trung tâm Trọng tài thương mại là cơ quan giải quyết tranh chấp, các Bên đồng ý tuân thủ theo quy tắc trọng tài của Trung tâm Trọng tài này, Hội đồng Trọng tài gồm 01 người duy nhất do Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định.

8.3.

Biện pháp khắc phục và từ bỏ quyền:

8.3.1.

Việc Ngân Hàng không thực hiện hoặc trì hoãn không thực hiện bất kỳ quyền hoặc không áp dụng bất kỳ các biện pháp khắc phục nào theo quy định tại Hợp Đồng sẽ không được xem là từ bỏ quyền hoặc biện pháp khắc phục đó. Việc Ngân Hàng đã thực hiện hoặc thực hiện một phần quyền hoặc biện pháp khắc phục nào đó sẽ không cản trở Ngân Hàng thực hiện vào lần khác hoặc tiếp tục thực hiện các quyền và biện pháp khắc phục đó. Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc tất cả các quyền và biện pháp khắc phục quy định trong Hợp Đồng và việc áp dụng một hoặc một số quyền và/hoặc biện pháp khắc phục sẽ không loại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào được quy định tại Hợp Đồng này hoặc được pháp luật quy định.

8.3.2.

Cho dù đã có quy định trong Hợp Đồng, khi Ngân Hàng đưa ra chỉ thị cho Bên Được Cấp Tín Dụng, Ngân Hàng không có nghĩa vụ thực hiện bất kỳ một quyền nào của mình theo các chỉ thị đó. Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý Ngân Hàng được quyền lựa chọn thực hiện các quyền của mình theo cách khác so với chỉ thị đã ban hành.

8.4.

Luật điều chỉnh:

8.4.1.

Hợp Đồng này được lập, ký kết và thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam

8.4.2.

Các nội dung không được thỏa thuận tại Hợp Đồng này thì áp dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện.

8.4.3.

Trong trường hợp khi có sự thay đổi của pháp luật, hướng dẫn của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam hoặc các quy định nội bộ của Ngân Hàng dẫn tới sự khác biệt đối với các thỏa thuận đã được ghi nhận tại Hợp Đồng này, các Bên đồng ý Ngân Hàng được tự động áp dụng những thay đổi này theo quy định pháp luật và quy định nội bộ cho phù hợp và thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng được biết khi điều chỉnh.

8.5.

Hiệu lực Hợp Đồng:

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

8.5.1.

Các Bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng;

8.5.2.

Các Bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng;

8.5.3.

Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8.6.

Hợp Đồng này được lập thành [...] bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên Được Cấp Tín Dụng giữ [...] bản, Ngân Hàng giữ [...] bản.

BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG
NGÂN HÀNG